

Bản án số: 10/2024/DS-ST
Ngày 26-6-2024
V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh.

- Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thắng;

Ông Vũ Văn Thôn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Trần Công Tài – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 tháng 6 và ngày 26 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 42/2023/TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 357/2024/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 446/2024/QĐST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2024, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 566/2024/QĐST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, nơi cư trú: Thôn L, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng, có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn D, nơi cư trú: Thôn L, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Nguyễn Thị H3, nơi cư trú: Thôn L, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị H1, nơi cư trú: Thôn P, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị H2, nơi cư trú: Ngõ 155C, P, phường L, quận K, thành phố Hải Phòng, vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Cháu Nguyễn Thị Vân A, nơi cư trú: Thôn L, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

+ Cháu Nguyễn Như Q, nơi cư trú: Thôn T, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

+ Cháu Nguyễn Mai L, nơi cư trú: Thôn L, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của cháu Nguyễn Thị Vân A, Nguyễn Như Q, Nguyễn Mai L là chị Trịnh Hồng K, nơi cư trú: Thôn T, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng (Theo Hợp đồng ủy quyền ký ngày 28 tháng 11 năm 2023), có mặt.

+ Cháu Nguyễn Thị H, nơi cư trú: Thôn T, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

+ Cháu Nguyễn Ngọc H, nơi cư trú: Thôn T, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

+ Cháu Nguyễn Ngọc K, nơi cư trú: Thôn T, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của cháu Nguyễn Thị H, Nguyễn Ngọc H, Nguyễn Ngọc K là chị Trịnh Hồng K (mẹ đẻ), nơi cư trú: Thôn T, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng, có mặt.

+ Chị Trịnh Hồng K, nơi cư trú: Thôn T, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng, có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị L, nơi cư trú: Thôn L, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 7 năm 2023, đơn khởi kiện bổ sung ngày 24 tháng 10 năm 2023 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện An Lão, chị Nguyễn Thị H trình bày:

Bố mẹ đẻ chị là ông Nguyễn Hữu D và bà Nguyễn Thị L chung sống với nhau từ năm 1964 và sinh được những người con sau: Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn H, sinh năm 1969 (chết năm 2016), Nguyễn Thị H3, Nguyễn Văn D, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị H2. Ngoài những người con vừa nêu ông, bà không còn con đẻ, con nuôi, con riêng nào khác. Năm 2004 ông Nguyễn Hữu D chết không để lại di chúc, năm 2016 anh Nguyễn Văn H chết không để lại di chúc. Anh Nguyễn Văn H có vợ là chị Trịnh Hồng K và các con là Nguyễn Thị H, Nguyễn Ngọc H, Nguyễn

Ngọc K, Nguyễn Thị Vân A, Nguyễn Như Q, Nguyễn Mai L. Ngoài những người con vừa nêu anh H không còn con đẻ, con nuôi, con riêng nào khác.

Quá trình chung sống ông D và bà L có tài sản là một diện tích đất tại thửa đất số 27, tờ bản đồ số 267-C-1, địa chỉ Thôn L, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng. Nguồn gốc đất là do Ủy ban nhân dân xã Mỹ Đức cấp cho ông D, bà L năm 1984. Năm 1986 ông D, bà L xây nhà trên diện tích đất nêu trên để ở và sử dụng đất không có tranh chấp với ai. Sau khi ông D chết, Ủy ban nhân dân huyện An Lão đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 896m² tại thửa 27, tờ bản đồ số 267-C-I; địa chỉ: Thôn L, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng ngày 27 tháng 12 năm 2006, số bìa: AH558941, sổ vào sổ H0482/AL mang tên chủ sử dụng bà Nguyễn Thị L. Ngày 31 tháng 5 năm 2007, bà L cho con gái là Nguyễn Thị H3 diện tích đất là 140m² và cho con trai là Nguyễn Văn D diện tích đất là 226m² trong tổng số diện tích 896m² nêu trên. Ngày 03 tháng 12 năm 2010, bà L cho con gái là Nguyễn Thị H2 diện tích đất là 136m². Sau đó, chị H3, anh D, chị H2 đều đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được bà L cho. Diện tích đất bà L còn lại sau khi cho các con là 394m² tại thửa 27, tờ bản đồ số 267-C-I; địa chỉ: Thôn L, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng. Đối với căn nhà cấp 4 xây dựng năm 1986 đã phá dỡ, hiện không còn. Việc phá dỡ căn nhà cấp 4 xây dựng năm 1986, tặng cho đất các con như đã nêu trên các thành viên trong gia đình đều biết nhưng không ai phản đối hay có ý kiến gì. Nay chị H yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Hữu D là phần diện tích đất 394m² tại thửa đất số 27, tờ bản đồ 267-C-1, địa chỉ Thôn L, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng, đo đạc trên thực tế là 403,6m² theo quy định của pháp luật. Chị H xin nhận phần thừa kế của mình bằng hiện vật, vì hiện nay chị không có nhà để ở.

Bị đơn anh Nguyễn Văn D trong quá trình giải quyết vụ án đã có ý kiến như sau: Tại bản tự khai ngày 21 tháng 12 năm 2023, anh D xác nhận ông Nguyễn Hữu D và bà Nguyễn Thị L sinh được 06 người con, nguồn gốc, quá trình sử dụng, hiện trạng diện tích đất đang tranh chấp tại thôn Lang Thượng, xã Mỹ Đức và việc bà L tặng cho chị H3, anh D, chị H2 đất như chị H khai là đúng. Anh D cũng xác nhận diện tích đất còn lại tại thửa đất số 27, tờ bản đồ 267-C-1, địa chỉ Thôn L, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng sau khi bà L tặng cho các con là 394m², đo đạc trên thực tế là 403,6m². Anh D xác định diện tích này là di sản của ông Nguyễn Hữu D để lại không phải là tài sản của bà L. Việc bà L và chị H đòi xây nhà và tách bìa đo là không đúng. Anh đề nghị Tòa án phân chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Hữu D để lại là phần diện tích đất 394m² tại thửa đất số 27, tờ bản đồ 267-C-1, địa chỉ Thôn L, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng, đo đạc trên thực tế là 403,6m² theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bà Nguyễn Thị L tại các bản tự khai và đơn đề nghị có ý kiến như sau: Bà L nhất trí với yêu cầu khởi kiện và ý kiến của chị H trong quá trình giải quyết vụ án. Tại đơn đề nghị ngày 22 tháng 4 năm 2024, bà L yêu cầu chia di sản thừa kế của chồng bà là phần diện tích đất 394m² tại thửa

đất số 27, tờ bản đồ 267-C-1, địa chỉ Thôn L, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng, đo đạc trên thực tế là 403,6m² theo quy định của pháp luật. Bà đề nghị được hưởng 01 suất thừa kế như các đồng thừa kế khác và 01 suất thừa kế do công sức quản lý tài sản thừa kế của bà trong 20 năm qua từ khi ông D chết là năm 2004 đến nay là năm 2024. Đối với phần thừa kế được hưởng bà đề nghị được nhận bằng hiện vật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị H2 tại bản tự khai viết tay và đơn đề nghị nộp tại Tòa án ngày 17 tháng 4 năm 2024 có ý kiến: Chị nhất trí với yêu cầu khởi kiện và yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Hữu D là phần diện tích đất 394m² tại thửa đất số 27, tờ bản đồ 267-C-1, địa chỉ Thôn L, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng, đo đạc trên thực tế là 403,6m² theo quy định của pháp luật. Chị đề nghị được hưởng 01 suất thừa kế như các đồng thừa kế khác và định đoạt như sau: Chị tặng cho cháu Nguyễn Thị Vân A con gái anh H 01 phần suất thừa kế của mình là diện tích đất 28,5m², số còn lại 21,5m² chị tặng cho chị Nguyễn Thị H.

Người đại diện theo luật của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là cháu Nguyễn Thị H, Nguyễn Ngọc H, Nguyễn Ngọc K; người đại diện theo ủy quyền của cháu Nguyễn Thị Vân A, Nguyễn Như Q, Nguyễn Mai L là chị Trịnh Hồng K và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Trịnh Hồng K thống nhất có ý kiến: Chị K và các con anh H nhất trí với yêu cầu khởi kiện và yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Hữu D là phần diện tích đất 394m² tại thửa đất số 27, tờ bản đồ 267-C-1, địa chỉ Thôn L, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng, đo đạc được trên thực tế là 403,6m² theo quy định của pháp luật. Chị và các cháu nhất trí phân tài sản của anh H để lại là 01 suất thừa kế và cùng đề nghị để cháu Nguyễn Thị Vân A sử dụng toàn bộ. Cháu Vân A xin nhận phần thừa kế của mình bằng hiện vật, vì hiện nay chị không có nhà để ở.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị H1 tại bản tự khai ngày 12 tháng 3 năm 2024 có ý kiến: Chị nhất trí với yêu cầu khởi kiện và yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Hữu D là phần diện tích đất 394m² tại thửa đất số 27, tờ bản đồ 267-C-1, địa chỉ Thôn L, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng, đo đạc được trên thực tế là 403,6m² theo quy định của pháp luật. Chị đề nghị được nhận phần thừa kế của mình bằng hiện vật là 98m².

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị H3 đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và nhiều lần tổng đạt Giấy triệu tập hợp lệ để đến Tòa án giải quyết vụ án, nhưng đều vắng mặt, không có lý do nên không có ý kiến.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định và định giá tài sản đối với khối tài sản thừa kế của ông Nguyễn Hữu D vào các ngày 14 tháng 12 năm 2023, ngày 28 tháng 12 năm 2023 và 26 tháng 01 năm 2024. Tuy nhiên, hiện tại không thể xác định được phần nào là đất ở, phần nào là đất vườn trong tổng diện tích 896m² tại thửa đất số 27, tờ bản đồ 267-C-1, địa chỉ Thôn L, xã

M, huyện A, thành phố Hải Phòng, đo đạc được trên thực tế là 914,8m². Do đó, Hội đồng định giá không có căn cứ để đưa ra giá trị đối với quyền sử dụng diện tích đất các đương sự yêu cầu chia thừa kế là 403,6m². Ngày 28 tháng 12 năm 2023, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H đã có đơn yêu cầu tổ chức thẩm định giá gửi Tòa án. Tòa án đã thông báo đến các đương sự nhưng không ai có ý kiến gì. Ngày 26 tháng 01 năm 2024, Công ty TNHH tư vấn thẩm định giá HAA đã tiến hành định giá tài sản tranh chấp. Theo chứng thư thẩm định giá số 319.1/HAA-CTTĐG của Công ty TNHH tư vấn thẩm định giá HAA thì các công trình xây dựng và cây cối hoa màu trên đất có tổng trị giá 1.347.368.000 đồng. Đối với trị giá quyền sử dụng diện tích đất đang tranh chấp là 403,6m² Công ty TNHH tư vấn thẩm định giá HAA cũng không đưa được ra giá với lý do không thể xác định được phần nào là đất ở, phần nào là đất vườn. Tòa án đã lấy lời khai, ghi ý kiến của các đương sự trong vụ án thì trừ chị Nguyễn Thị H nhiều lần tổng đạt Giấy triệu tập hợp lệ để đến Tòa án giải quyết vụ án, nhưng đều vắng mặt, không có lý do nên không có ý kiến còn lại các đương sự đều thống nhất trị giá quyền sử dụng diện tích đất 403,6m² tại thửa đất số 27, tờ bản đồ 267-C-1, địa chỉ Thôn L, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng là 20.000.000 đồng/1m². Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương thì chính quyền thôn Lang Thượng và xã Mỹ Đức đều cung cấp thông tin xác định vị trí đất tương đồng với vị trí đất đang tranh chấp ở địa phương hiện có giá chuyển nhượng khoảng 20.000.000 đồng/1m². Quá trình tố tụng Tòa án đã công khai tài liệu chứng cứ và gửi Thông báo kết quả công khai tài liệu chứng cứ đến các đương sự nhưng các đương sự đều không có ý kiến phản đối mức giá 20.000.000 đồng/1m² nêu trên. Các đương sự có quyền tự định đoạt theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Bộ luật Tố tụng Dân sự và mức giá các đương sự đồng ý, chấp nhận không nhằm trốn tránh nghĩa vụ hay vi phạm đạo đức nên theo mức giá các đương sự thống nhất là 20.000.000 đồng/1m² thì trị giá quyền sử dụng diện tích đất đang tranh chấp là 403,6m² tại thửa đất số 27, tờ bản đồ 267-C-1, địa chỉ Thôn L, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng là: 403,6m² x 20.000.000 đồng = 8.072.000.000 đồng. Tổng trị giá các tài sản trên đất và quyền sử dụng đất là 1.347.368.000 đồng + 8.072.000.000 đồng = 9.419.368.000 đồng.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi xét xử của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã cơ bản thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 5, Điều 147, Điều 165, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân

sự; Căn cứ Điều 649, Điều 650, điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 651, Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Căn cứ Điều 2 Luật Người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H.

+ Giao cho chị Nguyễn Thị H quản lý, sử dụng diện tích đất 110,4m² tại thửa đất số 27, tờ bản đồ 267-C-1, địa chỉ Thôn L, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị H có quyền làm thủ tục thay đổi tên chủ sử dụng diện tích đất nêu trên theo quyết định của bản án.

+ Giao cho anh Nguyễn Văn D quản lý, sử dụng diện tích đất 154,1m² tại thửa đất số 27, tờ bản đồ 267-C-1, địa chỉ Thôn L, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng. Anh Nguyễn Văn D có quyền làm thủ tục thay đổi tên chủ sử dụng diện tích đất nêu trên theo quyết định của bản án. Anh Nguyễn Văn D có trách nhiệm thanh toán bằng tiền 02 suất thừa kế cho chị Nguyễn Thị H1 và chị Nguyễn Thị H3 mỗi suất thừa kế trị giá là: 1.009.000.000 đồng (một tỉ chín triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thanh toán thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

+ Giao cho bà Nguyễn Thị L quản lý, sử dụng diện tích đất 61,4m² tại thửa đất số 27, tờ bản đồ 267-C-1, địa chỉ Thôn L, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng. Bà Nguyễn Thị L có quyền làm thủ tục thay đổi tên chủ sử dụng diện tích đất nêu trên theo quyết định của bản án.

+ Giao cho cháu Nguyễn Thị Vân A quản lý, sử dụng diện tích đất 77,7m² tại thửa đất số 27, tờ bản đồ 267-C-1, địa chỉ Thôn L, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng. Cháu Nguyễn Thị Vân A có quyền làm thủ tục thay đổi tên chủ sử dụng diện tích đất nêu trên theo quyết định của bản.

+ Về chi phí tố tụng: Chị Nguyễn Thị H nhận chịu cả nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là tranh chấp về thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất tọa lạc tại Thôn L, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng. Bị đơn là anh Nguyễn Văn D, nơi cư trú: Thôn L, xã M,

huyện A, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết tranh chấp thuộc Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

[2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị H1, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ; chị Nguyễn Thị H2 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nhưng có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị H2.

[3] Trên cơ sở lời khai của các đương sự và chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ thấy rằng:

[3.1] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 23 tháng 7 năm 2004, ông Nguyễn Hữu D chết (giấy chứng tử số 126/TLKT-BS ngày 17 tháng 6 năm 2022). Ngày 21 tháng 7 năm 2023, chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu phân chia tài sản thừa kế do ông Nguyễn Hữu D để lại. Như vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự thì việc khởi kiện của chị H còn thời hiệu khởi kiện.

[3.2] Về tài sản thừa kế: Quá trình chung sống ông Nguyễn Hữu D và bà Nguyễn Thị L có tạo dựng được khối tài sản là diện tích đất 896m² và căn nhà cấp 4 xây năm 1986 trên đất tại thửa đất số 27, tờ bản đồ số 267-C-1, địa chỉ Thôn L, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng. Năm 2004, ông D chết không để lại di chúc. Theo quy định tại Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình, diện tích đất 896m² và căn nhà cấp 4 là tài sản chung của ông D, bà L. Như vậy, khối tài sản thừa kế do ông D để lại được xác định là một nửa là diện tích đất 896m² và căn nhà cấp 4 xây năm 1986 trên đất tại thửa đất số 27, tờ bản đồ số 267-C-1, địa chỉ Thôn L, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng, đo đạc trên thực tế là 914,8m². Tuy nhiên, trong quá trình sử dụng anh D đã phá căn nhà cấp 4 xây dựng năm 1986 và xây căn nhà cấp 4 mới hiện anh D và bà L đang sống. Về diện tích đất, bà L sau khi thống nhất ý kiến cùng các đồng thừa kế là các con bà đã phân chia một phần đất như sau: Ngày 31 tháng 5 năm 2007, bà L cho con gái là Nguyễn Thị H3 diện tích đất là 140m² và cho con trai là Nguyễn Văn D diện tích đất là 226m². Ngày 03 tháng 12 năm 2010, bà L cho con gái là Nguyễn Thị H2 diện tích đất là 136m² trong tổng số diện tích 914,8m² nêu trên. Tổng số diện tích đất bà L tặng cho các con là 502m² đã vượt quá phần tài sản của mình được định đoạt là ½ diện tích đất 914,8m² nêu trên. Tuy nhiên, việc bà L, anh D phá nhà cũ xây nhà mới và tặng cho các con đất như đã nêu trên các thành viên trong gia đình đều biết nhưng không ai phản đối hay có ý kiến gì. Tại hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các anh chị H3, D, H2 đều thể hiện có sự thống nhất ý kiến của gia đình. Đến nay, tài sản chỉ còn lại diện tích đất 394m² tại thửa đất số 27, tờ bản đồ 267-C-1, địa chỉ Thôn L, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng, đo đạc trên thực tế là 403,6m². Các đương sự đều thống nhất xác định 403,6m² là di sản thừa kế của ông Nguyễn Hữu D để lại và chỉ yêu cầu Tòa án

phân chia khối tài sản này. Trừ chị Nguyễn Thị H3 đã nhiều lần được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự Toà án phân chia phần tài sản thừa kế còn lại là 403,6m² tại thửa đất số 27, tờ bản đồ 267-C-1, địa chỉ Thôn L, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng theo yêu cầu của các đương sự.

[3.3] Về diện và hàng thừa kế: Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thừa nhận và biên bản xác minh tại địa phương thể hiện ông Nguyễn Hữu D và bà Nguyễn Thị L sinh được những người con sau: Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn H (chết năm 2016), Nguyễn Thị H3, Nguyễn Văn D, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị H2. Ngoài những người con vừa nêu ông, bà không còn con đẻ, con nuôi, con riêng nào khác. Năm 2004 ông Nguyễn Hữu D chết, không để lại di chúc. Thời điểm ông D chết bố mẹ đẻ ông D đã chết nên những người được thừa kế tài sản khi ông D chết gồm: Bà Nguyễn Thị L, chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị H3, Nguyễn Văn D, chị Nguyễn Thị H1, chị Nguyễn Thị H2 theo quy định tại khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự. Năm 2016 anh Nguyễn Văn H chết, không để lại di chúc. Như vậy, ông D chết trước anh H, do đó tại thời điểm ông D chết quan hệ thừa kế tài sản đã phát sinh theo quy định tại khoản 1 Điều 614 Bộ luật Dân sự và anh H là người được hưởng 01 suất thừa kế từ tài sản thừa kế của ông D. Anh Nguyễn Văn H có vợ là chị Trịnh Hồng K và các con là Nguyễn Thị H, Nguyễn Ngọc H, Nguyễn Ngọc K, Nguyễn Thị Vân A, Nguyễn Như Q, Nguyễn Mai L. Ngoài những người con vừa nêu anh H không có con nuôi, con riêng nào khác. Như vậy, những người thuộc diện và hàng thừa kế được hưởng tài sản thừa kế do anh Nguyễn Văn H để lại gồm: Bà Nguyễn Thị L, chị Trịnh Hồng K và các con anh H theo quy định tại khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H đề nghị được nhận phần thừa kế của mình bằng hiện vật vì hiện nay chị không có nhà để ở. Đối với việc chị Nguyễn Thị H2 tặng cho chị 01 phần suất thừa kế của chị H2 là diện tích đất 21,5m², chị xin nhận và có trách nhiệm chịu án phí và chi phí tố tụng thay chị H2. Đối với việc bà Nguyễn Thị L tặng cho chị 01 phần suất thừa kế của bà L là diện tích đất 39,2m², chị xin nhận và có trách nhiệm chịu án phí và chi phí tố tụng thay bà L. Xét, chị Nguyễn Thị H, hiện tại không có nơi cư trú, không có nhà để ở. Bên cạnh đó, các đồng thừa kế là chị H3, anh D, chị H2, chị H1 đều đã có nhà ở ổn định. Do vậy, yêu cầu được nhận phần thừa kế bằng hiện vật của chị H là chính đáng, phù hợp quy định pháp luật và điều kiện thực tế.

[5] Xét ý kiến của bị đơn: Tại bản tự khai ngày 21 tháng 12 năm 2023, anh D đề nghị Toà án phân chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Hữu D để lại là phần diện tích đất 394m² tại thửa đất số 27, tờ bản đồ 267-C-1, địa chỉ Thôn L, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng, đo đạc trên thực tế là 403,6m² theo quy định của pháp luật là có căn cứ cần được xem xét giải quyết.

[6] Xét ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết vụ án:

[6.1] Bà Nguyễn Thị L yêu cầu chia di sản thừa kế của chồng bà là 403,6m² theo quy định của pháp luật. Bà đề nghị được hưởng 01 suất thừa kế như các đồng thừa kế khác và 01 suất thừa kế do công sức quản lý tài sản thừa kế của bà trong 20 năm qua từ khi ông D chết là năm 2004 đến nay là năm 2024. Đối với phần thừa kế được hưởng bà đề nghị được nhận bằng hiện vật. Tại phiên toà bà L nhận 01 phần diện tích đất 61,4m² vì hiện tại bà không có nhà để ở, số còn lại 39,2m² bà tặng cho chị Nguyễn Thị H. Đối với phần thừa kế tài sản của anh Nguyễn Văn H bà từ chối nhận và nhường lại cho các đồng thừa kế của anh H. Xét, từ thời điểm ông D chết đến nay, bà L là người tiếp tục quản lý, sử dụng, tôn tạo, giữ gìn tài sản chung của vợ chồng là phần diện tích đất tại thửa đất số 27, tờ bản đồ 267-C-1, địa chỉ Thôn L, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng đã 20 năm. Hàng năm bà L vẫn đóng thuế sử dụng đất. Như vậy, bà L đề nghị được hưởng 01 suất thừa kế do công sức quản lý tài sản thừa kế của bà là có căn cứ cần được chấp nhận. Đối với đề nghị được nhận bằng hiện vật, bà L đã 78 tuổi, hiện tại đang ở nhờ nhà anh D. Bên cạnh đó, các đồng thừa kế là chị H3, anh D, chị H2, chị H1 đều đã có nhà ở ổn định. Do vậy, yêu cầu được nhận một phần thừa kế là diện tích đất 61,4m² bằng hiện vật của bà L là phù hợp điều kiện thực tế, quy định pháp luật và đạo đức xã hội. Đối với đề nghị tặng cho chị Nguyễn Thị H 39,2m² đất và phần thừa kế tài sản của anh Nguyễn Văn H nhường lại cho các đồng thừa kế của anh H của bà L là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc đe dọa, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ hay trái đạo đức xã hội. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 5 Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của bà L.

[6.2] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị H2 đề nghị được hưởng 01 suất thừa kế do ông D để lại như các đồng thừa kế khác và định đoạt như sau: Chị tặng cho cháu Nguyễn Thị Vân A con gái anh H 01 phần suất thừa kế của mình là diện tích đất 28,5m², số còn lại 21,5m² chị tặng cho chị Nguyễn Thị H. Việc định đoạt phần tài sản thừa kế của chị H2 hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc đe dọa, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ hay trái đạo đức xã hội. Như vậy, chị H2 đã tặng cho toàn bộ suất thừa kế của mình cho chị Nguyễn Thị H và cháu Nguyễn Thị Vân A và không còn quyền lợi liên quan trong vụ án. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 5 Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của chị H2.

[6.3] Người đại diện theo luật của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là cháu Nguyễn Thị H, Nguyễn Ngọc H, Nguyễn Ngọc K; người đại diện theo ủy quyền của cháu Nguyễn Thị Vân A, Nguyễn Như Q, Nguyễn Mai L là chị Trịnh Hồng K và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Trịnh Hồng K thống nhất có ý kiến: Chị và các cháu nhất trí phần tài sản của anh H là 01 suất thừa kế mà

anh H được hưởng từ khối tài sản thừa kế do ông Nguyễn Hữu D để lại và cùng đề nghị để cháu Nguyễn Thị Vân A sử dụng toàn bộ. Đối với việc chị Nguyễn Thị H2 tặng cho cháu Nguyễn Thị Vân A 01 phần suất thừa kế của chị H2 là diện tích đất 28,5m², cháu Vân A và Chị K xin nhận và có trách nhiệm chịu án phí và chi phí tố tụng thay chị H2. Tại phiên toà Chị K nhất trí với ý kiến của bà Nguyễn Thị L và xin nhận phần thừa kế của bà L đối với phần thừa kế do anh H để lại. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 5 Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của Chị K và các con anh H. Cháu Vân A đề nghị được nhận phần thừa kế của mình bằng hiện vật vì hiện tại cháu đã xây 01 căn nhà 2 tầng trên phần đất là tài sản thừa kế do ông D để lại. Xét, khi cháu Vân A xây nhà đã được sự nhất trí của các thành viên trong gia đình là các đồng thừa kế, không ai có ý kiến phản đối gì. Hiện tại, cháu không còn nơi ở nào khác. Phần đất cháu Vân A xây dựng nhà nằm trong khối di sản thừa kế của ông D để lại là 77,7m². Diện tích đất 77,7m² cũng vừa bằng suất thừa kế cháu được hưởng từ phần tài sản anh H để lại cộng với 28,5m² chị Nguyễn Thị H2 tặng cho cháu. Do đó, để đảm bảo giá trị công trình xây dựng, điều kiện thực tế và phù hợp quy định pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được nhận phần thừa kế của mình bằng hiện vật của cháu Vân A.

[6.4] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị H1 tại bản tự khai ngày 12 tháng 3 năm 2024 có ý kiến: Chị đề nghị được nhận phần thừa kế của mình bằng hiện vật là 98m². Xét, đề nghị của chị H1 vượt quá kỷ phần thừa kế chị được nhận và phần diện tích đất còn lại sau khi Hội đồng xét xử đã chấp nhận yêu cầu nhận tài sản thừa kế bằng hiện vật của bà L, chị H, cháu Vân A không đủ để chia thêm 1 suất thừa kế bằng hiện vật nữa. Bên cạnh đó, chị H1 đã có nhà ở ổn định tại Thôn P, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu nhận tài sản thừa kế bằng hiện vật của chị H1.

[6.5] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị H đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và nhiều lần tổng đạt Giấy triệu tập hợp lệ để đến Tòa án giải quyết vụ án, nhưng đều vắng mặt, không có lý do nên không có ý kiến.

[7] Phân chia di sản thừa kế:

[7.1] Tài sản thừa kế các đương sự đều thống nhất xác định và yêu cầu Toà án phân chia là phần diện tích đất đo đạc trên thực tế là 403,6m² tại thửa đất số 27, tờ bản đồ 267-C-1, địa chỉ Thôn L, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng. Trị giá quyền sử dụng diện tích đất 403,6m² các đương sự đều nhất trí là 403,6 x 20.000.000 đồng = 8.072.000.000 đồng. Trị giá các công trình xây dựng và cây cối hoa màu trên đất theo chứng thư thẩm định giá số 319.1/HAA-CTTĐG của Công ty TNHH tư vấn thẩm định giá HAA có tổng trị giá 1.347.368.000 đồng. Tổng trị giá quyền sử dụng đất, các công trình xây dựng và cây cối hoa màu trên đất là 1.347.368.000 đồng + 8.072.000.000 đồng = 9.419.368.000 đồng.

[7.2] Như trên đã phân tích ở phần trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nhận phần thừa kế bằng hiện vật của chị Nguyễn Thị H, cháu Nguyễn Thị Vân A và bà Nguyễn Thị L. Đối với phần diện tích đất thừa kế còn lại, xét thấy có các công trình, các cây lâu năm do anh D xây dựng và trồng nếu tách thừa sẽ ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của các tài sản này. Mặt khác, suất thừa kế chị Nguyễn Thị H1, chị Nguyễn Thị H được hưởng đều dưới $60m^2$ nên theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 5 của Quyết định số 08/2023/QĐ-UBND ngày 15 tháng 02 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về điều kiện tách thừa đất, hợp thừa đất đối với đất ở nông thôn phải từ $60m^2$ trở lên là không đủ điều kiện để tách thừa đất. Hơn nữa, diện tích đất còn lại có mặt tiếp giáp với đường tỉnh lộ 362 là 5,5m không đủ mặt bằng để chia bằng hiện vật cho cả 3 suất thừa kế là chị Nguyễn Thị H1, chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn D. Do đó, Hội đồng xét xử giao toàn bộ diện tích đất còn lại có các công trình xây dựng và cây lâu năm cho anh Nguyễn Văn D quản lý, sử dụng và buộc anh D phải thanh toán cho chị Nguyễn Thị H1, chị Nguyễn Thị H mỗi người 01 suất thừa kế bằng giá trị tài sản là phù hợp.

[7.3] Phân chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Hữu D như sau:

Tài sản thừa kế $403,6m^2$ đất tại thửa đất số 27, tờ bản đồ 267-C-1, địa chỉ Thôn L, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng được chia làm 8 phần, bà L 02 suất, các anh chị: Huyền, Hiện, Hải, Diễm, Hương, Huế mỗi người một suất. Diện tích đất được chia của mỗi suất thừa kế là: $403,6m^2 : 8 = 50,45m^2$; trị giá là $8.072.000.000 \text{ đồng} : 8 = 1.009.000.000 \text{ đồng}$. Đối với các tài sản trên đất có trị giá là 1.347.368.000 đồng nhưng như mục [6.3] và [7.2] đã nêu, các tài sản này do cháu Vân A, anh D xây dựng và đều nằm trên phần thừa kế của cháu Vân A, anh D được giao nên không ảnh hưởng đến phần thừa kế của các đồng thừa kế khác.

[7.3.1] Phần thừa kế chị Nguyễn Thị H được hưởng như sau: 01 suất thừa kế là diện tích đất $50,45m^2 + 01$ phần suất thừa kế của chị H2 tặng cho là diện tích đất $21,5m^2 + 01$ phần suất thừa kế của bà L tặng cho là diện tích đất $39,2m^2 = 111,15m^2$. Tại phiên toà, chị H đề nghị phần thừa kế chị được hưởng vượt quá diện tích đất $110,4m^2$ chị nhường cho anh D. Như vậy, giao cho chị Nguyễn Thị H quản lý, sử dụng diện tích đất $110,4m^2$ tại thửa đất số 27, tờ bản đồ 267-C-1, địa chỉ Thôn L, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng.

[7.3.2] Phần thừa kế bà Nguyễn Thị L được hưởng như sau: 02 suất thừa kế là diện tích đất $50,45m^2 + 50,45m^2 = 100,9m^2$. Bà L tặng cho chị H $39,2m^2$ nên phần thừa kế của bà còn lại là $100,9m^2 - 39,2m^2 = 61,7m^2$. Tại phiên toà, bà L đề nghị phần thừa kế bà được hưởng vượt quá diện tích đất $61,4m^2$ bà nhường cho anh D. Như vậy, giao cho bà Nguyễn Thị L quản lý, sử dụng diện tích đất $61,4m^2$ tại thửa đất số 27, tờ bản đồ 267-C-1, địa chỉ Thôn L, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng.

[7.3.3] Phần thừa kế cháu Nguyễn Thị Vân A được hưởng như sau: 01 suất thừa kế là diện tích đất $50,45m^2 + 01$ phần suất thừa kế của chị H2 tặng cho là diện

tích đất $28,5\text{m}^2 = 78,95\text{m}^2$. Tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của cháu Vân A là chị Trịnh Thị Khuyên đề nghị phần thừa kế cháu Vân A được hưởng vượt quá diện tích đất $77,7\text{m}^2$ nhường cho chú Diễm. Như vậy, giao cho cháu Nguyễn Thị Vân A quản lý, sử dụng diện tích đất $77,7\text{m}^2$ tại thửa đất số 27, tờ bản đồ 267-C-1, địa chỉ Thôn L, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng.

[7.3.4] Phần thừa kế anh Nguyễn Văn D được hưởng như sau: Diện tích đất thừa kế còn lại là $403,6\text{m}^2 - 61,4\text{m}^2 - 110,4\text{m}^2 - 77,7\text{m}^2 = 154,1\text{m}^2$. Giao cho anh Nguyễn Văn D quản lý, sử dụng diện tích đất $154,1\text{m}^2$ tại thửa đất số 27, tờ bản đồ 267-C-1, địa chỉ Thôn L, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng. Anh Nguyễn Văn D có trách nhiệm thanh toán bằng tiền 02 suất thừa kế cho chị Nguyễn Thị H1 và chị Nguyễn Thị H mỗi suất thừa kế trị giá là: 1.009.000.000 đồng.

[8] Về án phí:

[8.1] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H được bà L tặng cho diện tích đất $39,2\text{m}^2$, phần đất này không phải chịu án phí. Phần còn lại chị H phải chịu án phí là $71,2\text{m}^2 \times 20.000.000 \text{ đồng} = 1.424.000.000 \text{ đồng} = 36.000.000 \text{ đồng} + (624.000.000 \text{ đồng} \times 3\% = 18.720.000 \text{ đồng}) = 54.720.000 \text{ đồng}$ nhưng được trừ vào tạm ứng án phí chị H đã nộp là 10.000.000 đồng tại biên lai số 0005785 ngày 17 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng, chị H còn phải nộp 44.720.000 đồng.

[8.2] Bị đơn anh Nguyễn Văn D được bà L nhường $0,3\text{m}^2$ đất, phần đất này không phải chịu án phí; được chị H nhường $0,75\text{m}^2$ đất; được cháu Vân A nhường $1,25\text{m}^2$ đất. Như vậy, anh Nguyễn Văn D phải chịu án phí như sau: $50,45\text{m}^2 + 0,75\text{m}^2 + 1,25\text{m}^2 = 52,45\text{m}^2 \times 20.000.000 = 1.049.000.000 \text{ đồng} = 36.000.000 \text{ đồng} + (249.000.000 \text{ đồng} \times 3\% = 7.470.000 \text{ đồng}) = 43.470.000 \text{ đồng}$

[8.3] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L đã trên 60 tuổi nên được miễn án phí.

[8.4] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Nguyễn Thị Vân A phải chịu án phí như sau: $77,7\text{m}^2 \times 20.000.000 = 1.554.000.000 \text{ đồng} = 36.000.000 \text{ đồng} + (754.000.000 \text{ đồng} \times 3\% = 22.620.000 \text{ đồng}) = 58.620.000 \text{ đồng}$.

[8.4] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị H mỗi người phải chịu án phí như sau: $1.009.000.000 \text{ đồng} = 36.000.000 \text{ đồng} + (209.000.000 \text{ đồng} \times 3\% = 6.270.000 \text{ đồng}) = 42.270.000 \text{ đồng}$.

[9] Chi phí tố tụng khác: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H nhận chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản là $7.000.000 \text{ đồng} + 14.200.000 \text{ đồng} = 21.200.000 \text{ đồng}$ (hai mươi một triệu hai trăm nghìn đồng), chị đã nộp đủ tiền.

[10] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 5, Điều 147, Điều 165, khoản 1 Điều 244, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 649, Điều 650, điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 651 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 2 Luật Người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H về việc chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Hữu D để lại là diện tích đất 403,6m² tại thửa đất số 27, tờ bản đồ 267-C-1, địa chỉ: Thôn L, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng đã được Ủy ban nhân dân huyện An Lão cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AH558941, số vào sổ H0482/AL ngày 27 tháng 12 năm 2006, mang tên chủ sử dụng bà Nguyễn Thị L.

- Giao cho chị Nguyễn Thị H quản lý, sử dụng diện tích đất 110,4m² tại thửa đất số 27, tờ bản đồ 267-C-1, địa chỉ Thôn L, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng có các điểm mốc giới là 4,5,12,13.

- Giao cho anh Nguyễn Văn D quản lý, sử dụng diện tích đất 154,1m² tại thửa đất số 27, tờ bản đồ 267-C-1, địa chỉ Thôn L, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng có các điểm mốc giới là 3,4,13,14. Anh Nguyễn Văn D có trách nhiệm thanh toán bằng tiền 02 suất thừa kế cho chị Nguyễn Thị H1 và chị Nguyễn Thị H mỗi suất thừa kế trị giá là: 1.009.000.000 đồng (một tỉ chín triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thanh toán thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Giao cho bà Nguyễn Thị L quản lý, sử dụng diện tích đất 61,4m² tại thửa đất số 27, tờ bản đồ 267-C-1, địa chỉ Thôn L, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng có các điểm mốc giới là 6,7,10,11.

- Giao cho cháu Nguyễn Thị Vân A quản lý, sử dụng diện tích đất 77,7m² tại thửa đất số 27, tờ bản đồ 267-C-1, địa chỉ Thôn L, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng có các điểm mốc giới là 5,6,11,12.

(Có sơ đồ thửa đất kèm theo).

Chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị L, cháu Nguyễn Thị Vân A có quyền và nghĩa vụ yêu cầu các Cơ quan có thẩm quyền thực hiện thủ tục thay đổi quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị H phải chịu 54.720.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tạm ứng án phí chị H đã nộp là 10.000.000 đồng tại biên lai số 0005785 ngày 17 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng, chị H còn phải nộp 44.720.000 đồng (bốn mươi bốn triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Nguyễn Văn D chịu 43.470.000 đồng (bốn mươi ba triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị L được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

- Cháu Nguyễn Thị Vân A phải chịu 58.620.000 đồng (năm mươi tám triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị H mỗi người phải chịu 42.270.000 đồng (bốn mươi hai triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo bản án:

Chị Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Văn D, chị Trịnh Hồng K và các cháu Nguyễn Thị H, Nguyễn Ngọc H, Nguyễn Ngọc K, Nguyễn Thị Vân A, Nguyễn Như Q, Nguyễn Mai L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị H2 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKS ND TP. Hải Phòng;
- VKS ND huyện An Lão;
- Chi cục THA Dân Sự huyện An Lão;
- Đường sự;
- Lưu Hồ sơ; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tuấn Anh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

